

Số: 43/2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TIỀN GIANG	
CÔNG VĂN	Số: 44
ĐẾN	Ngày: 15/12/2015
	Chuyển: 16

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Đay
Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

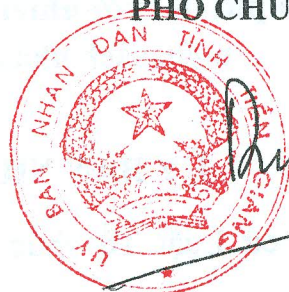
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 13/02/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy định về định mức xây dựng và phân bổ kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Đoàn ĐBQH Đơn vị tỉnh;
- TT.UBMTTQ tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng NC, Ban TCD;
- Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTN (Tâm).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức

QUY ĐỊNH

**Về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43 /2015/QĐ-UBND ngày 21 / 12 /2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ (viết tắt là KH&CN) có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là mức cụ thể, áp dụng đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Các loại nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Cấp tỉnh:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- b) Đề án khoa học cấp tỉnh;
- c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;

- đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

2. Cấp cơ sở:

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhằm giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ của cơ sở gồm các đề tài, dự án có quy mô nhỏ ở các ngành, huyện, thị, thành có mức sử dụng kinh phí ngân sách dưới 150 triệu đồng đối với đề tài, dưới 300 triệu đồng đối với dự án khoa học và công nghệ.

Điều 5. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- 1. Chủ nhiệm nhiệm vụ.
- 2. Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học.
- 3. Thành viên.
- 4. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I

DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 6. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 5 quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Khung định mức xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN:

1. Dự toán tiền công trực tiếp.

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong từng trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các nội dung trên.

b) Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau: $T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$

Trong đó:

T_c : Dự toán tiền công của chức danh

L_{cs} : Lương cơ sở do Nhà nước quy định.

H_{stcn} : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

S_{nc} : Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Stt	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu (Hcd)	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh}) / 22 \times 80\%$	Hệ số tiền công theo ngày thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	2	3	4	5	6=5 x 50%
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,632	0,316
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,392	0,196
3	Thành viên	3,66	1,5	0,20	0,10
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,128	0,064

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại khoản 1,2,3 Điều 5 của Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

a) Thuê chuyên gia trong nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê

chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá số tiền 32.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 24% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 32.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 24% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1, Điều 7 của Quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước; trường hợp kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại Quy định này cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 47/2008/QĐ-

chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH&CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có):

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 9. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN lập dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được phê duyệt.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng.

a) Chi tiền công.

Bảng 2. Mức chi hoạt động của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ:	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		800	400

	Phó chủ tịch Hội đồng, thành viên hội đồng		640	320
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá:	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		240	120
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		400	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ:	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá:	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định		560	280
	Thành viên tổ thẩm định		400	200
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a)	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu:	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.200	600
	Phó chủ tịch hội đồng, Thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký hành chính		240	120
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b)	Chi nhận xét đánh giá:	1 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc thực tế phát sinh và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH&CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH&CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 quy định này.

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ theo mức tối đa được quy định tại Nghị quyết số 267/2010/NQ-HĐND ngày 17/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN: thực hiện theo mức chi nêu tại bảng 3 dưới đây.

Bảng 3. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Khoán tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ, cán bộ, công chức, các tổ chức, cá nhân khác có tham gia quản lý nhiệm vụ KH&CN.	Tháng	300.000đ/người/tháng
2	Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ KH&CN	
a)	Nhận xét kết quả nghiên cứu trong báo cáo tổng kết để đưa ra Hội đồng đánh giá		200.000đồng/nhiệm vụ KH&CN.

	nghiệm thu chính thức (kèm bảng nhận xét).		
b)	Thẩm định chỉnh sửa báo cáo tổng kết nhiệm vụ KH&CN sau khi được thông nhất tại Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức (kèm bảng thẩm định, chỉnh sửa).		300.000đồng/nhiệm vụ KH&CN.
c)	Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN (Đính kèm biên bản quyết toán)		200.000đồng/nhiệm vụ KH&CN, tối đa không quá 05 người/nhiệm vụ KH&CN
d)	Phục vụ hội trường, thiết bị, máy móc trong các cuộc họp liên quan đến thực hiện nhiệm vụ KH&CN.		50.000đồng/người/tối đa không quá 02 người/nhiệm vụ KH&CN

Mục II LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

Điều 10. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH&CN:

Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH&CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH&CN trong năm và định mức chi quy định tại quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH&CN và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN

1. Căn cứ.

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu.

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các Bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH&CN được cơ quan có thẩm quyền giao, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 13. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 14. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được quyết toán kinh phí thực theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Đức